

GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

LỖI TỪ CƠ CẤU HỆ THỐNG VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

*Đặng Danh Ánh**

1. Lỗi của hệ thống giáo dục-đào tạo nhìn từ ý kiến phản biện

15 năm qua đã có rất nhiều ý kiến tâm huyết của cá nhân hoặc tập thể các nhà giáo dục (GD), các nhà khoa học trong và ngoài nước đóng góp cho sự nghiệp giáo dục-đào tạo (GD-ĐT) nước nhà. Có thể kể một số kiến nghị chính sau đây: Kiến nghị của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam cuối năm 1996¹, 2000², 2005³; Kiến nghị của Đại tướng Võ Nguyên Giáp năm 2004-2006⁴; Kiến nghị của 24 GS và nhà khoa học trong và ngoài nước do GS. Hoàng Tụy chủ biên năm 2004⁵; Đề án kiến nghị của nhóm trí thức người Việt ở nước ngoài do GS. Vũ Quang Việt chủ biên năm 2005⁶; Báo cáo "lựa chọn thành công" trong đó có một

* PGS.TS., Viện trưởng Viện Nghiên cứu, Đào tạo và Tư vấn KHCN.

1. 2, 3. 40 nhà khoa học đầu ngành của Liên hiệp các Hội KH và KT Việt Nam, đại diện cho 3 khối khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học kỹ thuật (gồm: GS.VS. Nguyễn Văn Hiệu, GS.VS. Vũ Tuyên Hoàng, GS.VS. Nguyễn Văn Đạo, GS.TSKH. Hồ Sĩ Thoảng, GS. Phan Huy Lê, GS. Trần Quốc Vương, GS.TSKH. Hà Học Trạc, GS.TSKH. Phan Đình Diệu, GS.TSKH. Nguyễn Quang A, GS.TSKH. Trần Đình Long, GS.TSKH. Đỗ Sanh...) đã đóng góp ý kiến cho Dự thảo nghị quyết TW2 (khóa VIII); dự thảo chiến lược GD-ĐT 2001-2010; Dự thảo Luật Giáo dục 2005, v.v...

4. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (2004, 2006): Đổi mới có tính cách mạng nền GD-ĐT của nước nhà.

5. Hoàng Tụy và 24 GS. (2004): Kiến nghị về chấn hưng, cải cách, hiện đại hóa GD. Trong 3 tháng 3-4-5/2004 diễn ra liên tục 5 cuộc hội thảo của 24 nhà khoa học nổi tiếng của Việt Nam, trong đó có 6 nhà khoa học Việt kiều đến từ Pháp, Mỹ, Nhật, Ý và Bỉ. Kiến nghị là kết quả tổng hợp qua 5 lần hội thảo, là những lời tâm huyết, xuất phát từ sự suy nghĩ, trăn trở nhiều năm và ý thức trách nhiệm của các nhà khoa học đối với sự nghiệp GD-ĐT của nước nhà; bản kiến nghị này đã được gửi tới Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội và Bộ GD-ĐT.

6. Đề án (2005): Sử dụng trí thức Việt Kiều để xây dựng Giáo dục đại học chất lượng cao.

Tham gia đề án: Hồ Tú Bảo - GS tin học, Viện KH và CN tiên tiến Nhật Bản; Trần Nam Bình - GS kinh tế, ĐHQ New South Wales Australia; Trần Hữu Dũng - GS kinh tế ĐHQ Wright State Dayton, Ohio Mỹ; Trần Văn Thọ - GS kinh tế ĐHQ Waseda Tokyo, Nhật Bản; Hà Dương Tường - GS toán ĐHQ Công nghệ Compiègne Pháp; GS Vũ Quang Việt - Chuyên viên cao cấp, Vụ trưởng Cục thống kê Liên Hợp Quốc

phần đánh giá về GD-ĐT của nhóm GS và chuyên gia thuộc trường Đại học Harvard trình trực tiếp Thủ tướng cuối năm 2007¹; Kiến nghị của nhóm nghiên cứu đề tài khoa học cấp Nhà nước do bà Nguyễn Thị Bình làm chủ nhiệm 2008². Riêng mảng cơ cấu hệ thống GD nói chung và hệ thống dạy nghề nói riêng có kiến nghị năm 2011³ của PGS.TS. Đặng Danh Ánh, nguyên Ủy viên thư ký Ủy ban cải cách GD trung ương (giai đoạn 1979-1989) và một số kiến nghị của 30 nhà khoa học trong và ngoài nước đã được in thành sách năm 2007⁴.

Những kiến nghị trên rất phong phú, đa dạng phản ánh các mặt hoạt động của toàn bộ hệ thống GD từ giáo dục phổ thông (GDPT) đến giáo dục đại học (GDĐH). Các kiến nghị trên đã gửi tới Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ. Tôi chỉ tổng hợp những ý chính trên 3 mặt: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp.

1.1. Về thực trạng

1.1.1. Từ khi ra đời Nghị quyết TW2 khóa VIII về GD-ĐT đến nay đã 15 năm, GD chẳng những không được cải thiện mà vẫn trong tình trạng *khủng hoảng toàn diện khủng hoảng ở mọi cấp độ* từ việc xác định mục tiêu, cơ cấu hệ thống, xây dựng nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, đội ngũ giáo viên... đến việc tổ chức quá trình giáo dục và công tác quản lý trên cả 3 phương diện: nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng, sử dụng nhân tài. Vì thế, có nguy cơ phát sinh ở đây những mầm mống nếu để kéo dài sẽ có thể ảnh hưởng nặng nề đến toàn cục tình hình kinh tế - xã hội trong những năm tới.

1.1.2. Những sai lầm lớn, nổi trội của GD bị phê phán cách đây 15 năm vẫn tồn tại như: nạn dạy thêm, học thêm tràn lan (đến nỗi tiểu học cũng học thêm); tổ chức thi cử nặng nề; nội dung và phương pháp giảng dạy lạc hậu, nhồi nhét; chất

1. "Lựa chọn thành công" (2007): báo cáo của nhóm GS và chuyên gia ĐH Harvard về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam 2010-2020 được thực hiện theo yêu cầu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và khi hoàn thành đã được trao tận tay Thủ tướng. Nhóm GS và chuyên gia uy tín này gồm: David Dapice, Dwight Perkins, Nguyễn Xuân Thành, Vũ Thành Tự Anh, Huỳnh Thế Du, Jonathan Pincus, Anthony Saich, Benjamin H. Wilkinson... Báo cáo này được tổ chức Liên Hợp Quốc ở Việt Nam tài trợ.

2. Đề tài khoa học cấp Nhà nước (2008) do bà Nguyễn Thị Bình - nguyên Phó Chủ tịch nước, nguyên Bộ trưởng Bộ GD làm Chủ nhiệm với sự tham gia của 2 nguyên Bộ trưởng: GS. Trần Hồng Quân, PGS. Nguyễn Minh Hiến và 13 người khác nữa là GS., TSKH, nguyên là Vụ trưởng các Vụ của Bộ GD-ĐT nhưng đã nghỉ hưu cùng làm đề tài này.

3. Một phần của báo cáo này đã được in trong Kỷ yếu Hội thảo nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam tháng 11/2011.

4. Những vấn đề giáo dục hôm nay, quan điểm và giải pháp của Nhà xuất bản Tri thức, in năm 2007 của nhiều tác giả trong nước, trí thức Việt kiều, đặc biệt có 2 tác giả là người nước ngoài.

lượng đào tạo xuống cấp không kiểm soát nổi, những hiện tượng tiêu cực như mua bằng, bán điểm và nguy hiểm hơn bằng thật mà không thật (bằng thật nhưng học giả), chẳng những không khắc phục được bao nhiêu mà lâu ngày đang biến thành những tình thế khó đảo ngược, những căn bệnh thâm căn cố đế khó có phương cách chữa trị. Bên cạnh đó: dân trí thấp, biểu hiện trên lối sống và suy nghĩ, tập quán, tác phong, tư tưởng, ý thức... đạo đức bị xói mòn, thói gian dối thiếu trung thực đang tác động nặng nề đến mọi mặt đời sống xã hội. Nhân lực không đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, yếu kiến thức, kém kỹ năng thực hành, ít khả năng xoay xở, thiếu óc tưởng tượng và sáng tạo, vì thế chất lượng nguồn nhân lực kém khiến năng lực cạnh tranh toàn cầu thấp. Nhân tài tuy không đến nỗi quá thiếu nhưng phát hiện và bồi dưỡng kém, thiếu cơ hội và điều kiện phát triển; chất xám bị lãng phí nghiêm trọng. Đương nhiên đây không phải chỉ là vấn đề của GD mà còn là vấn đề của toàn xã hội, nhưng trước hết là trách nhiệm và vai trò của GD rất lớn.

1.1.3. Động cơ và mục đích học tập của một bộ phận không nhỏ học sinh (HS), sinh viên (SV) còn nhiều lệch lạc.

1.1.3.1. Học sinh phổ thông của ta hiện nay là người bị nhồi nhét quá nhiều kiến thức (do chế độ thi cử, nạn luyện thi...) không phù hợp với tâm, sinh lý, sức khỏe của HS. Học sinh không còn thì giờ vui chơi giải trí, tham gia các hoạt động xã hội, lấy thi cử làm mục tiêu, vào đại học là cái đích phải đạt tới. Khi không vào được đại học, họ trở nên thất vọng chán chường. Nhà trường chưa phát huy được tính tích cực chủ động của HS, chưa chuẩn bị cho HS tinh thần sẵn sàng tham gia vào sản xuất và công tác.

1.1.3.2. Không ít SV đại học của ta chưa xác định chính xác mục tiêu học tập. Họ chỉ học sao cho có tấm bằng. Họ không quan tâm đến rèn luyện phương pháp học tập, phương pháp tư duy khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học, kỹ năng thực hành yếu, thiếu tinh thần tự giác học tập, thiếu tìm tòi sáng tạo và do vậy thiếu khả năng tự học suốt đời. Phần lớn SV rất lúng túng khi bước vào đời (SV khối kỹ thuật khi vào sản xuất phải đào tạo lại), ít khả năng thích nghi với hoàn cảnh xã hội. Điều đó thể hiện chất lượng đào tạo về chuyên môn và về tư tưởng đạo đức còn thấp.

1.1.4. Các nhà khoa học lo lắng rằng, đang tiềm ẩn nguy cơ lệch hướng trong GD-ĐT. Cụ thể là: nguyên lý GD kỹ thuật tổng hợp, GD lao động và hướng nghiệp bị xen nhẹ; nguyên lý GD học đi đôi với hành, GD kết hợp với lao động sản xuất, CD mà trường kết hợp với gia đình và xã hội không được quan tâm đúng mức. Việc GD khoa học xã hội và nhân văn chưa được coi trọng cả về nội dung lẫn hình thức và cũng chưa có phương pháp hữu hiệu làm cho HS, SV thích học môn học này. Vì thế nhân cách của một bộ phận không nhỏ HS, SV đang bị suy thoái, không

1986, giảm còn 129 trường năm 1998, sau tăng 262 trường năm 2006, 283 trường năm 2007, 315 trường năm 2008. Cần lưu ý, năm 2011 chỉ có 423 trường nghề, 269 trường TCCN nhưng lại có 446 trường ĐH, CĐ. Báo cáo Chính phủ trình Quốc hội tháng 11/2004, có 214 trường CĐ, ĐH. Như vậy, trong vòng 7 năm, số trường CĐ, ĐH tăng thêm 232 trường, trung bình 1 năm ra đời 33 trường, 1 tháng gần 3 trường CĐ, ĐH được thành lập.

1.1.7. Mất cân đối trong cơ cấu nguồn nhân lực

Trong nhiều năm qua, cơ cấu đào tạo rất bất hợp lý, tất yếu dẫn tới cơ cấu nguồn nhân lực mất cân đối nghiêm trọng. Tỷ lệ ĐH/THCN/CNKT là:

+ 1/2,25/7,1% năm 1979 ¹	+ 1/0,44/0,67% năm 2000 ²
+ 1/1,68/2,3% năm 1989 ¹	+ 1/0,54/0,83 năm 2002 ²
+ 1/0,83/0,6% từ năm 1990-1995 ²	+ 1/1,16/0,92% năm 2004 ²
+ 1/0,41/0,37 năm 1998 ²	+ 1/1,17/0,91 năm 2006 ²

Ở thời kỳ đầu CNH, đại bộ phận lao động của ta làm việc với quy trình công nghệ nửa cơ giới và cơ giới thì cơ cấu nguồn nhân lực như trên là không thể chấp nhận. Cơ cấu nguồn nhân lực tại các cơ sở sản xuất kinh doanh cần tuân theo quy luật của tiến bộ KHCN; ở thời điểm đầu CNH quy luật đó được thể hiện là:

- Khu vực dịch vụ phân theo tỷ lệ: ĐH/TCCN/nhân viên = 1/4/10

- Khu vực công nghiệp theo tỷ lệ: KS/kỹ thuật viên/CNKT = 1/4/60 CNKT lành nghề, 20 CN bán lành nghề và 15 lao động phổ thông.

Để minh họa, chúng ta hãy xem tập đoàn Samsung của Hàn Quốc ở Việt Nam hiện nay họ bố trí cơ cấu nhân lực như thế nào? Cứ 100 lao động có 4,5 kỹ sư; 15,4% kỹ thuật viên TC; 65,8% CNKT; 13% lao động phổ thông (nguồn: Tổng cục DN 2006).

1.1.8. Quy mô GD mở rộng, nhưng chất lượng GD yếu

Quy mô GD tăng mạnh hơn trước nhiều lần, cả về số lượng tuyển lẫn số lượng trường, như: ĐH dân lập, ĐH mở, ĐH tại chức "bung ra" tràn lan khắp nơi, rất tùy tiện; đào tạo cao học, tiến sĩ quá mở rộng, không theo tiêu chuẩn chặt chẽ như trước kia; do vậy chất lượng GD đang bị tầm thường hóa, càng lên cao càng như vậy. Cụ thể:

- Vốn kiến thức cơ bản và văn hóa của HS phổ thông rất yếu.

¹ Nguồn: Tổng cục Dạy nghề.

² Nguyễn Minh Đường (2008): "GD nghề nghiệp Việt Nam trên bước đường phát triển và hội nhập"; *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 3*, Hà Nội.

- Khả năng thực hành sáng tạo và độc lập nghiên cứu của SV rất kém.

- Năng lực ứng dụng kiến thức đã học của thạc sĩ, tiến sĩ vào thực tiễn càng hạn chế.

Vì thế trong báo cáo về năng lực cạnh tranh toàn cầu của các nền kinh tế năm 2005, diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) đã đánh giá chất lượng GD của 104 nước theo thang điểm 7 thì Việt Nam đạt 2,4 điểm xếp thứ 89/104, trong khi đó Singapore đạt 5,8 điểm xếp thứ 2/104; Thái Lan 3,2 điểm xếp thứ 65/104; Trung Quốc 3,2 điểm xếp thứ 66/104 nước¹... Cần lưu ý rằng, đánh giá của WEF về năng lực cạnh tranh toàn cầu của các nền kinh tế có một loạt các chỉ số, trong đó chỉ số về GD đại học Việt Nam xếp thứ 93 là chỉ số thấp nhất trong các chỉ số (báo cáo của TS. Lê Đăng Doanh tại hội thảo do Bộ GD-ĐT tổ chức ngày 12/11/2007). Khi Chủ tịch Nguyễn Minh Triết thăm Mỹ, GS. David Dapice cho biết: Tỷ lệ đầu tư cho GD ở Việt Nam cao nhất khu vực nhưng sinh lợi thấp, hiệu quả chưa cao. Ông dẫn chứng năm 2006: ĐH Seoul có 4560 bài báo đăng trên tạp chí danh tiếng, ĐH Bắc Kinh 2892 bài, ĐH Nus (Singapore) 3684 bài, ĐH Chulalongkon (Thái Lan) 734 bài thì ĐH Quốc gia và ĐH Bách khoa Hà Nội chỉ có 68 bài. Unesco công bố giám sát toàn cầu về GD năm 2008: Việt Nam tiếp tục mất điểm về chỉ số GD; tụt 9 bậc trong bảng xếp hạng để đứng vị trí 79/129 quốc gia (Báo Lao động 8/11/2008). Hiện nay các trường ĐH Việt Nam kém nhất so với một số nước Đông Nam Á, chưa cần so với Đông Á.

1.1.9. Chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh toàn cầu của nền kinh tế thấp và giảm dần.

Lưu ý: Chất lượng GD yếu làm cho chất lượng nguồn nhân lực thấp và giảm dần. WEF đã đánh giá chất lượng nguồn nhân lực của 59 quốc gia để xếp hạng về lợi thế cạnh tranh bằng cách cho 100 điểm thì chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam chỉ đạt 32/100 và năng lực cạnh tranh toàn cầu của nền kinh tế được xếp hạng như sau [15]:

- + Năm 1998 được xếp hạng thứ 39/59 quốc gia
- + Năm 1999 được xếp hạng thứ 48/59 quốc gia
- + Năm 2000 được xếp hạng thứ 53/59 quốc gia

Cũng theo báo cáo của WEF về năng lực cạnh tranh của các nền kinh tế trong 7 năm tiếp theo thì Việt Nam được xếp thứ: 60/75 quốc gia năm 2001; 65/80 năm 2002; 60/102 năm 2003; 77/104 năm 2004; 81/117 năm 2005; 77/125 năm 2006; 68/131 năm 2007; 87/151 năm 2008. Như vậy, năng lực cạnh tranh toàn cầu của

1. Trong các cuốn The Global Competitiveness Report từ năm 1998-2008.

nền kinh tế Việt Nam 10 năm qua (1998 - 2008)⁽¹⁵⁾ thấp, giảm dần do chất lượng nguồn nhân lực chủ yếu. Đánh giá này cũng phù hợp với nhận xét của tổ chức lao động quốc tế (ILO) năm 2010. Theo ILO, khả năng cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam đang có xu hướng giảm, nguyên nhân do chất lượng nguồn nhân lực thấp trong khi nền kinh tế và KHKT phát triển theo cấp số nhân. Chất lượng nguồn nhân lực thấp còn do GD-ĐT hiện nay kém nên đã kìm hãm phát triển nguồn nhân lực, kéo theo sự suy giảm năng suất lao động và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế quốc gia. Lưu ý rằng sự mất cân đối giữa cung - cầu lao động đang gia tăng: lao động nông thôn bị dồn nén, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn chậm, lao động giản đơn rất cao trong khi đó kỹ năng hạn chế, lao động kỹ thuật có tay nghề chưa đáp ứng nhu cầu, đặc biệt là các ngành điện tử, cơ khí chế tạo và dầu khí (Báo Lao động ngày 31/8/2010).

1.1.10. Vấn đề đầu tư và công bằng xã hội trong GD-ĐT chưa hợp lý

Đầu tư cho GD-ĐT còn nhiều bất cập: Theo dự án tính chi phí cho GD Việt Nam¹ của GS.TS. Vũ Quang Việt - Chuyên gia cao cấp, Vụ trưởng Cục thống kê Liên hiệp quốc) thì đầu tư cho GD năm 2006 là 8,3% GDP, trong đó Nhà nước 3,45 tỷ USD khoảng 6%; còn dân 1,3 tỷ USD (Mỹ năm 2006 là 7,2% GDP). Ngoài ra còn hàng chục dự án với vốn đầu tư lớn: dạy nghề 121 triệu USD, ĐH 104 triệu USD, phát triển THCS, THPT, v.v... đều có vốn đầu tư tương tự. Như vậy đầu tư cho GD của ta cao hơn hầu hết các nước trong khu vực; nhưng đến nay chúng ta vẫn chưa có một trường PT, DN, TCCN, CD, ĐH nào đạt chuẩn như trường của khu vực vì đầu tư dàn trải, manh mún, chất lượng và hiệu quả thấp, tiền bị thất thoát... do chi tiêu kém minh bạch và lãng phí. Với cách quản trị như vậy đổ thêm tiền vào chỉ là giải pháp tình thế mà không thể giải quyết được vấn đề chất lượng. Do đó, vấn đề không phải do kinh phí hạn hẹp mà chủ yếu là vấn đề quản trị.

Việc thu học phí theo kiểu bình quân mà không tính đến những đối tượng cụ thể sẽ làm giảm đáng kể số lượng HS, SV nghèo (nhất là ở nông thôn và vùng sâu, vùng xa) vào học các cấp, đặc biệt là vào học ĐH. Cũng như vậy, việc trợ cấp học bổng cho SV phải tính toán như thế nào để không rơi vào tình trạng: 80% người nghèo chỉ hưởng 1/3 trợ cấp của Nhà nước, còn 20% người giàu lại hưởng 2/3 trợ cấp của Nhà nước (số liệu của Bộ Tài chính).

1.2. Những nguyên nhân cơ bản

1.2.1. Trước hết, việc quản lý Nhà nước ở tầm vĩ mô (bao gồm cả việc hoạch định, điều chỉnh chính sách của Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ

¹ Xem chi phí cho GD Việt Nam của Vũ Quang Việt đăng Báo Lao động ngày 18/9/2007.

Lao động - Thương binh - Xã hội và một số Bộ, Tổng cục có liên quan chứ không chỉ là Bộ GD-ĐT) còn nhiều hạn chế: thiếu tầm nhìn xa trông rộng, thiếu thực tiễn nên kế hoạch đào tạo, cơ cấu ngành nghề đào tạo mất cân đối nghiêm trọng; một số chính sách tạo động lực mạnh cho việc dạy và học không được cải tiến, thậm chí hết tác dụng (bỏ thâm niên giáo viên); chế độ tiền lương và chế độ tài chính quá lạc hậu và bất hợp lý kéo dài; cơ cấu đầu tư trong nhiều năm được thực hiện theo hướng tăng cho ĐH, chi cho phổ thông vừa phải, chi rất ít cho TCCN và dạy nghề là không hợp lý; việc thu học phí và cấp học bổng không tính đến đối tượng cụ thể sẽ tạo ra bất bình đẳng và thiếu công bằng xã hội trong GD-ĐT. Như vậy, phần lớn những khó khăn yếu kém đó không phải là tất yếu khách quan, không phải do cơ chế thị trường, không phải do đất nước còn nghèo mà chính là do ta tự tạo ra, do ta chưa có được cơ chế điều chỉnh thích ứng với những đòi hỏi của GD trong điều kiện mới của cơ chế thị trường.

1.2.2. Trong khi cần đánh giá đúng mức các thành tựu to lớn của GD-ĐT trong công cuộc đổi mới thì rất đáng tiếc là dấu ấn của tư duy cũ và cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu vẫn còn khá rõ nét khi thiết kế, ban hành các quyết định về GD-ĐT và chỉ đạo thực hiện nó. Vì vậy, một loạt chủ trương chính sách đã thể hiện tính không nhất quán, cụ thể là: luôn luôn thay đổi tổ chức, quản lý và cấu trúc của hệ thống GD (năm 1987 nhập Tổng cục DN về Bộ Đại học, 1990 hợp nhất Bộ Giáo dục với Bộ Đại học, 1998 tách dạy nghề về Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội...). Luôn luôn diễn ra các thử nghiệm từ GD mầm non, qua GDPT đến GDDH... Tình trạng đó có nguyên nhân khách quan do đòi hỏi của sự phát triển hoặc do những khiếm khuyết trong hệ thống cũ được phát hiện cần sửa đổi; nhưng cũng chứa đựng không ít các quyết định mang tính ngẫu hứng, tùy tiện, làm mất đi sự ổn định cần có của một hệ thống GD mang tính xã hội cao mà phải mất đi nhiều năm mới đi vào nề nếp.

1.2.3. Từ năm 1986 (bắt đầu đổi mới) đến nay, Trung ương đã có nhiều nghị quyết đúng đắn, nhưng chưa được thực hiện nghiêm túc. Điều đó cho thấy không phải chỉ do những sai lầm cục bộ về điều hành quản lý (tuy trách nhiệm của bộ máy quản lý không nhỏ) mà chủ yếu sai lầm từ gốc, từ nhận thức, quan niệm đến hành động thực tiễn của các cấp bộ Đảng, chính quyền và các doanh nghiệp nhằm khẳng định vai trò và tầm quan trọng của GD-ĐT trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tóm lại là sai lầm có tính hệ thống và toàn cục, sai lầm thiết kế. Vì vậy phải xây dựng lại từ gốc.

1.2.4. Chưa tạo được mục tiêu và động lực đúng đắn cho việc học: Trong nền kinh tế quản lý tập trung trước đây, thì động lực và mục tiêu của việc học là rõ ràng: học để kiếm một vị trí nghề nghiệp, một chức vị trong cơ quan, doanh nghiệp nhà

nước. Trong nền kinh tế thị trường thì học để có năng lực xoay sở, mưu sinh trong một môi trường nhiều biến động và cạnh tranh ngày càng gay gắt. Ở nước ta, giai đoạn vừa qua thị trường bước đầu đã hình thành, nhưng còn éo uột, lại đặt dưới sự chỉ đạo quản lý chặt chẽ của Nhà nước, nên đối với GD-ĐT động lực học để đáp ứng yêu cầu của thị trường còn yếu ớt và chưa có được môi trường thuận lợi để nảy nở mà cố tìm được vị trí dính đến quyền lực, thì việc thực học xem chừng chẳng phải là con đường tối ưu.

1.2.5. Tình trạng lạc hậu trầm trọng trong nội dung và phương pháp dạy và học

Trong môi trường đó, ngoài một số trường, lớp dạy sử dụng công nghệ thông tin - viễn thông; dạy về quản trị kinh doanh, về ngoại ngữ... thì có nhu cầu thực của kinh tế thị trường, còn đa số người học, học là để thi, để lên cấp cao hơn, để có học vị, bằng cấp... và đối với không ít người nếu bằng cách nào đó có được bằng cấp, học vị mà không phải học càng tốt. Vì thế, kẻ thì học nhồi nhét, học thêm, học ngoài đến khôn khổ; người thì lo chạy chọt để kiếm chứng chỉ giả, bằng giả. Rõ ràng, kiến thức đối với người học là vô dụng, còn người dạy cũng chẳng hứng thú gì để trau dồi và cải tiến phương pháp. Vậy làm thế nào để tạo ra những yếu tố tích cực, nhằm vực dậy sự thực học của ta sau khi những tiêu cực của thời "hỗn độn" qua đi.

1.2.6. Một nguyên nhân khó khắc phục nhất là lực lượng giáo viên, hiện nay quá thiếu về số lượng và yếu về chất lượng, cả về chất lượng chuyên môn và lòng yêu nghề. Điều này ai cũng thấy rõ, đã nhiều người nói đến và nói nhiều lần, nhưng giải pháp khắc phục thì vẫn còn mờ昧. Bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn và nâng cao đời sống vật chất cho giáo viên là yêu cầu hiển nhiên, nhưng đâu là giải pháp khả thi để thực hiện được những yêu cầu hiển nhiên và đơn giản đó?

1.3. Các giải pháp chủ yếu

1.3.1. Mọi thành tựu và yếu kém của GD-ĐT đều liên quan đến thành tích và yếu kém của hệ thống kinh tế và xã hội của nước ta trong giai đoạn vừa qua. Vì thế cần đẩy mạnh cải cách kinh tế, cải cách hành chính để tạo ra môi trường kinh tế xã hội lành mạnh, có nhu cầu thực sự và ngày càng lớn một lực lượng lao động có năng lực, có tri thức là nhân tố cơ bản để khuyến khích việc thực học, thu hẹp dần phần đất của những tiêu cực và tạo lại dần cơ sở cho một nền GD-ĐT lành mạnh. Mặt khác, Nhà nước cần hành động tức thời và quả quyết trong một số chính sách có liên quan đến GD, khắc phục sự thiếu vắng của những tiếng nói phản biện với tinh thần xây dựng của các nhà khoa học.

1.3.2. Để xây dựng lại GD-ĐT từ gốc, trước hết cần thay đổi tư duy GD, xác định lại quan điểm về mục tiêu, yêu cầu đào tạo và chức năng của nhà trường. Nên rà

soát lại để dứt khoát từ bỏ đào tạo những mẫu người chỉ biết ngoan ngoãn chấp hành, quen được dẫn dắt... Thay vào đó là xây dựng mẫu người hiện đại, có phẩm chất đạo đức trong sáng, có cá tính nhưng bao dung, biết giao tiếp và hợp tác, có tư duy độc lập, sáng tạo, thích cái mới, thích dẫn thân, sẵn sàng chấp nhận rủi ro thử thách vì nghĩa lớn, nhất là trung thực trong mọi mặt hoạt động, đồng thời chú ý GD thẩm mỹ cho HS.

1.3.3. Xóa bỏ tình trạng dạy thêm học thêm bằng cách đổi mới triệt để chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo ở tất cả các cấp học sao cho phù hợp với điều kiện Việt Nam, phục vụ sát với yêu cầu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, theo kịp trình độ tiên tiến thế giới. Trên cơ sở đó, kiên quyết cắt bỏ trong chương trình học tập những kiến thức không cần thiết và kiến thức vượt quá sức lứa tuổi HS, giảm nhẹ nội dung chuyên môn, rèn luyện toàn diện, phát huy tính chủ động sáng tạo trong học tập của HS, tạo điều kiện cho HS học tập thoải mái, tiến tới xóa bỏ tình trạng dạy thêm học thêm.

1.3.4. Đổi mới cơ bản công tác tuyển sinh, gắn công tác này với việc đổi mới chính sách phân luồng và liên thông trong hệ thống GD quốc dân (GDQD) sao cho 50% tốt nghiệp THCS vào THPT; 50% tốt nghiệp THPT của mỗi trường được dự thi ĐH; số còn lại đi học nghề, TCCN và CĐ. Cần phải cải cách triệt để các chế độ thi cử, tuyển chọn, tuyển dụng... để khắc phục tình trạng học nhồi nhét, học chỉ để thi, học vì bằng cấp, nạn bằng giả, học vị rơm. Ở đây phải đổi mới việc tuyển sinh cao học và nghiên cứu sinh theo hướng phát huy vai trò của các trung tâm ĐH lớn, các nhà khoa học trong việc tuyển lựa và đào tạo nhân tài cho đất nước... Bên cạnh đó cần làm trong sạch xã hội khỏi những tệ nạn của bệnh sinh hư danh, chuộng hình thức...

1.3.5. Bồi dưỡng nhân tài và xây dựng 2 trường ĐH chất lượng cao

Trong khi nâng cao dân trí, mở rộng cửa nhà trường, kể cả ĐH cho đông đảo người dân thì GD không thể coi nhẹ việc đào tạo, bồi dưỡng nhân tài vì số lượng và chất lượng người tài được đào tạo là tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá hiệu quả GD của một quốc gia. Cho nên, người tài phải được nâng niu, nuôi dưỡng từ GDPT, đặc biệt GDDH phải có biện pháp hữu hiệu để khuyến khích tài năng ngày càng phát triển cao. Một trong những biện pháp đó là đề án xây dựng trường ĐHQG chất lượng cao do 6 trí thức Việt Kiều soạn thảo, đề án đã hoàn thành và gửi tới Thủ tướng Chính phủ ngày 20 tháng 9 năm 2005; đề án đã đi sâu ở một mức độ nhất định vào chương trình học, vấn đề quản trị ĐH, tuyển sinh và tuyển giảng viên; đề án cũng tính toán chi phí tối thiểu, đặt cơ sở cho tính khả thi và điều kiện kinh tế hiện nay của đất nước. Nhóm tác giả đề nghị, cần thiết lập trong thời gian sớm nhất hai ĐHQG công lập, chất lượng cao, ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.6. Cần có kế hoạch xây dựng dân, nhưng tích cực việc ứng dụng công nghệ thông tin vào mọi khâu trong GD, từ nội dung đến phương pháp và quản lý; phát triển việc rỗi mạng internet đến các cơ sở GD-ĐT, các trường học... đặc biệt phải ứng dụng công nghệ thông tin vào GD từ xa, GD thường xuyên để không ngừng mở rộng chúng cả về phạm vi, quy mô, hình thức, đối tượng, đáp ứng một cách tiết kiệm, linh hoạt và hữu hiệu nhu cầu học tập của người lao động và sinh hoạt của đông đảo người dân. Từ đó xây dựng xã hội ta thành một xã hội học tập, trong đó mọi người dân có tinh thần hiếu học mới, lòng ham chuộng trí thức, thói quen tự học, tự hoàn thiện hiểu biết và nhân cách của mình để sống và làm việc tốt hơn.

1.3.7. Yếu tố quyết định cần được chăm sóc bồi dưỡng và phát triển ngay là lực lượng giáo viên. Cần giải quyết tốt đời sống của giáo viên bằng phụ cấp thâm niên, chi trả thỏa đáng giờ dạy, công biên soạn tài liệu, giáo trình, các bài báo cáo khoa học, v.v... để giáo viên toàn tâm, toàn ý cho việc dạy học và tham gia công tác GD-ĐT. Hiện nay giáo viên đang sống bằng nguồn thu nhập bên ngoài quan trọng hơn lương, dẫn đến nhiều hiện tượng tiêu cực: dạy thêm, học thêm, để dãi trong việc hi cử, cấp bằng... Mặt khác, cần chăm lo xây dựng, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên. Khẩn trương trẻ hóa đội ngũ giảng viên ĐH vì có tới 90% đội ngũ giảng viên ĐH hiện tại đã, đang đến tuổi nghỉ hưu.

1.3.8. Dân chủ, công bằng xã hội trong GD là xu hướng của xã hội tiến bộ hiện đại. Trong GD dân chủ, công bằng có nghĩa là bảo đảm cho mọi công dân quyền bình đẳng về cơ hội học tập và cơ hội thành đạt trong học vấn. Chỉ khi nào có dân chủ, công bằng trong GD; chỉ khi nào mọi người, dù giàu nghèo, sang hèn, có cơ hội học tập và thành đạt ngang nhau thì khi đó tiềm năng trí tuệ của xã hội mới được khai thác hết. Hiện nay, ngoài học phí, HS phải đóng nhiều khoản khác nữa thì HS nghèo, HS vùng sâu, vùng xa không có điều kiện phải bỏ học. Vì vậy càng cần phải hực hiện công bằng trong GD.

1.3.9. Cải tổ mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, quản lý, tổ chức GD-ĐT theo hướng phát huy dân chủ, trí tuệ, tiềm năng của toàn ngành, toàn dân để phát triển GD; lồng thời bảo đảm ổn định lâu dài cơ cấu tổ chức và hệ thống GD.

Bộ GD-ĐT cần kiên quyết loại bỏ các công việc quá cụ thể thuộc phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của địa phương và các trường ĐH để tập trung thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về GD; giúp Chính phủ hoạch định các chính sách, chủ trương về GD. Các trường ĐH, các cơ sở đào tạo trong phạm vi hoạt động của mình cần được phát huy cao quyền chủ động (tự chủ), sáng tạo và tự chịu trách nhiệm trong việc tổ chức và quản lý nhà trường, trong việc thực hiện và tổ chức lại quy trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác. Cần cải tổ Hội đồng GD quốc gia thành một Hội đồng thật sự có năng lực tư vấn ở tầm chiến lược.

Cần công khai ngân sách Nhà nước dành cho GD vì sự minh bạch sẽ giúp Chính phủ huy động dễ dàng nguồn tài trợ từ khu vực tư nhân và doanh nghiệp cho GD; quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả nhất vốn đầu tư của Nhà nước và nhân dân cho GD; tăng cường công tác thanh tra GD, kiểm định đánh giá chất lượng GD.

1.3.10. Cần cải cách căn bản, toàn diện và đồng bộ hệ thống GDQD

Cải cách toàn diện hệ thống GDQD được hiểu là việc cải cách được thực hiện trên 5 mặt sau: Cải cách mục tiêu GD, cải cách cơ cấu hệ thống GD, cải cách chương trình và nội dung GD, cải cách phương pháp GD và cải cách công tác quản lý GD. Cải cách đồng bộ hệ thống GDQD nghĩa là cả 5 mặt trên phải được tiến hành đồng thời ở tất cả các cấp học, bậc học (từ GD mầm non, qua GD phổ thông, GD nghề nghiệp đến GDDH), ở tất cả các trường thuộc các vùng miền khác nhau trong toàn quốc, đương nhiên mức độ ở mỗi nơi là khác nhau. Cải cách căn bản nghĩa là tìm ra được vấn đề chính yếu nhất, cốt lõi nhất, quan trọng nhất mà nếu giải quyết nó sẽ ảnh hưởng tới nhiều vấn đề khác của toàn bộ hệ thống GDQD hoặc của từng hệ thống nhỏ trong hệ thống GDQD. Tìm được vấn đề căn bản rồi, phải ưu tiên nó thực hiện cải cách nó đầu tiên. Trong 5 mặt cần cải cách ở trên thì cải cách cơ cấu hệ thống GDQD là căn bản nhất, quan trọng nhất vì nó xác định các bậc học, cấp học; xác định các loại hình trường từ phổ thông đến đại học. Cho nên cải cách cơ cấu hệ thống GDQD là việc cấp bách nhất, cần làm ngay.

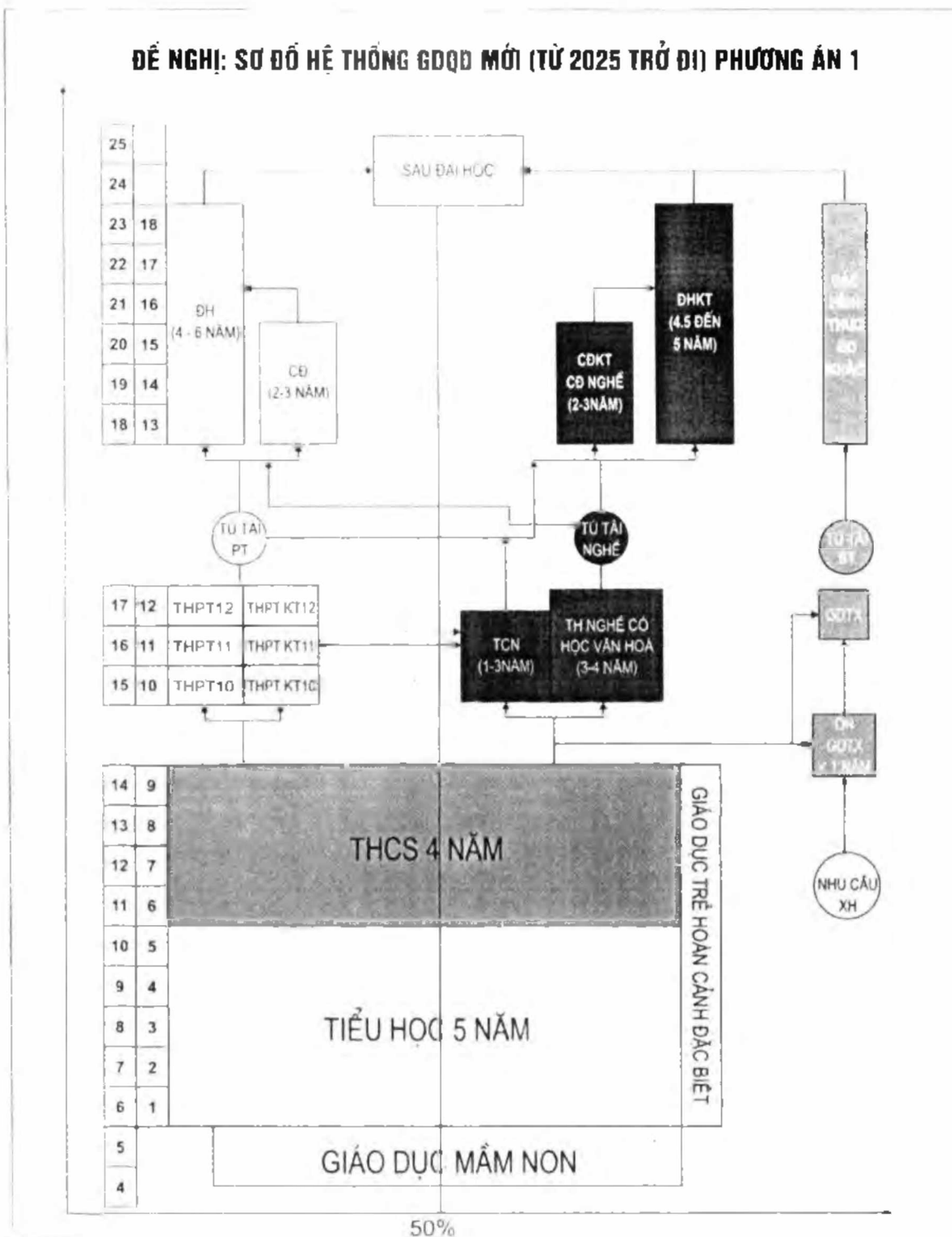
2. Đề xuất giải pháp: cải cách cơ cấu hệ thống GDQD

Sau khi phân tích thế nào là cải cách căn bản, toàn diện nền giáo dục nước nhà, báo cáo nhấn mạnh đến 4 nguyên tắc khi thiết kế hệ thống GDQD mới và đề xuất sơ đồ cơ cấu hệ thống GDQD mới theo 3 phương án:

- **Phương án 1** (thực hiện từ năm 2025) có hai nhánh: một nhánh là giáo dục kỹ thuật phổ thông - công nghệ và hướng nghiệp, bắt đầu từ THCS qua THPT lên khối ĐH nghiên cứu và ứng dụng; còn nhánh kia là giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp và công nghệ và công nghệ gắn với các trường ĐH kỹ thuật, sản xuất và dịch vụ. Phương án này bỏ trung cấp chuyên nghiệp;

- **Phương án 2** (từ 2025 trở đi): nếu còn trung cấp thì đẩy lên vị trí trên gọi là trung cao;

- **Phương án 3**: Cơ cấu hệ thống GDQD mới được thực hiện trong thời kỳ chuyển tiếp từ 2013 - 2025. Cuối bản báo cáo trình bày các điều kiện để thực thi hệ thống GDQD mới đã đề xuất.

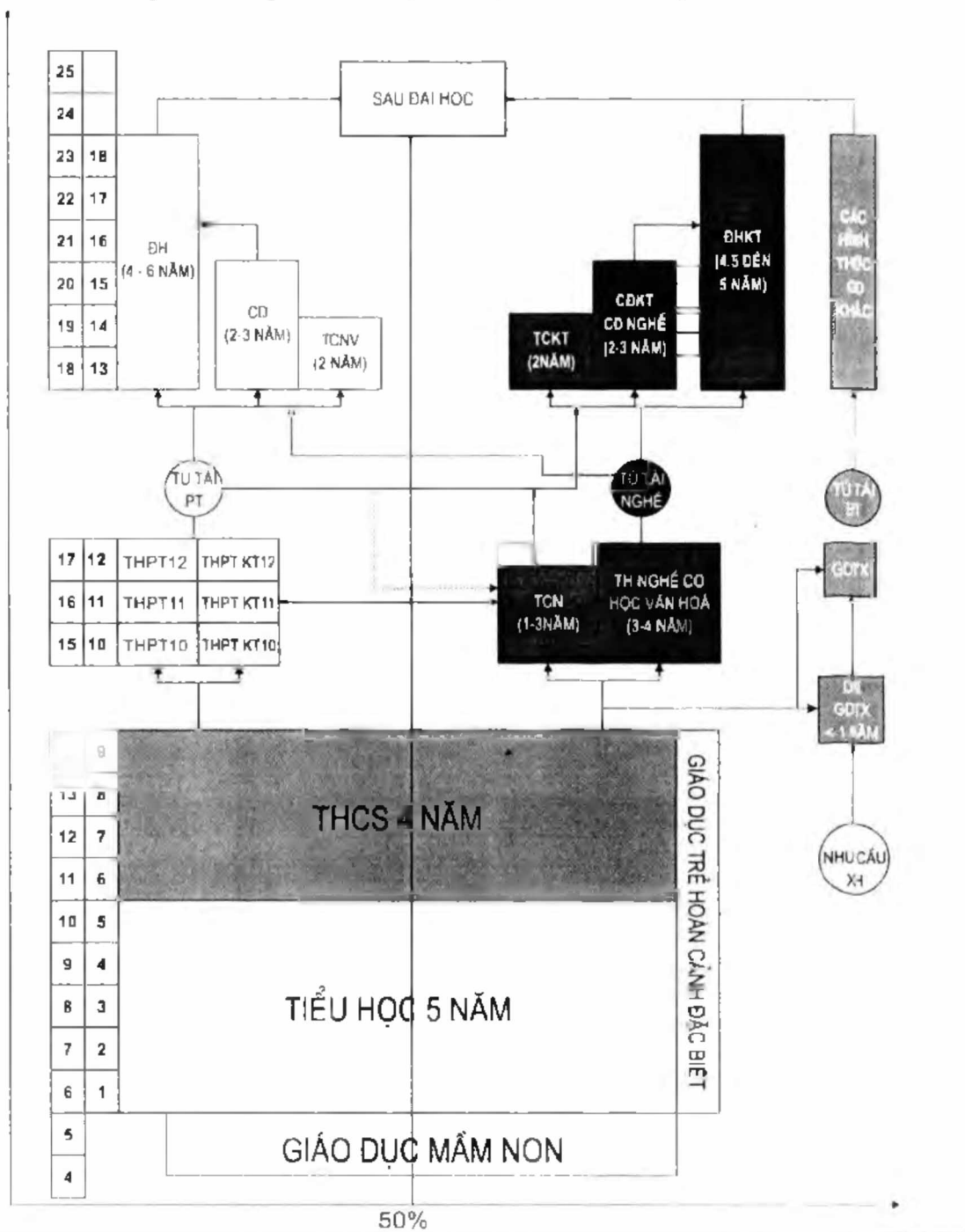


Chú: THPTKT: Trung học phổ thông Kỹ thuật; TCN: Trung cấp nghề; CĐKT: Cao đẳng Kỹ thuật; ĐHKT: Đại học kỹ thuật; GDTX: Giáo dục thường xuyên.

Người thiết kế: PGS.TS. Đặng Danh Ánh

Đội sự góp ý của các đồng chí trong đề án: PGS. TS. Chu Hào, PGS. TSKH. Nguyễn Xuân Hân, PGS. TSKH. Nguyễn Kế Hào, NSUT. Hàn Liên Hải, TS. Vũ Huy Phú.

ĐỀ NGHỊ: SƠ ĐỒ HỆ THỐNG GIÁO DỤC MỚI (TỪ 2025 TRỞ ĐI) PHƯƠNG ÁN 2

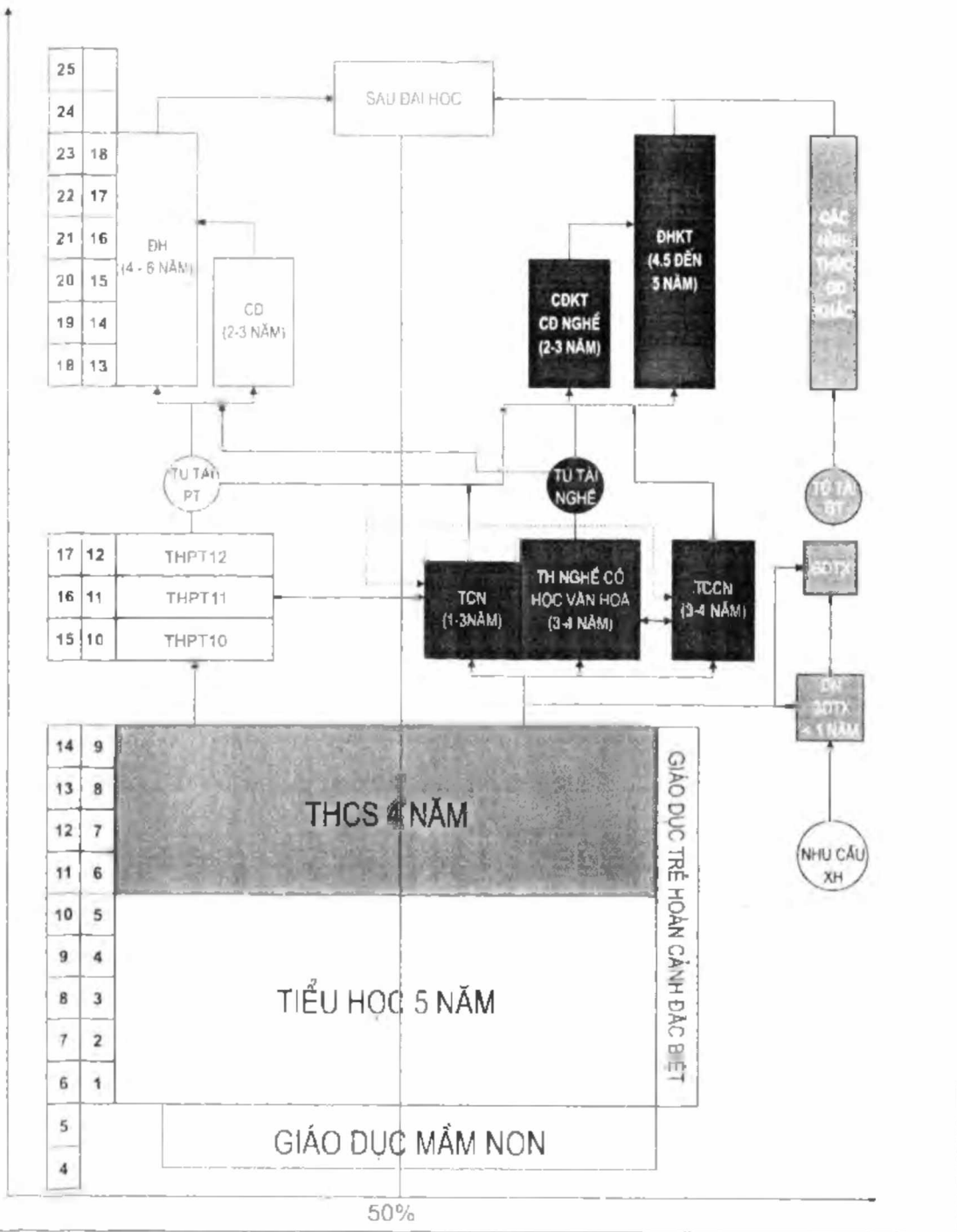


Ghi chú: THPTKT: Trung học phổ thông Kỹ thuật; TCN: Trung cấp nghề; CĐKT: Cao đẳng Kỹ thuật; ĐHK: Đại học kỹ thuật; GDTX: Giáo dục thường xuyên.

Người thiết kế: PGS.TS. Đặng Danh Anh

Với sự góp ý của các đồng chí trong đề án: PGS. TS. Chu Hào, PGS. TSKH. Nguyễn Xuân Hân, PGS. TSKH. Nguyễn Kế Hào, NSLT. Hàn Liên Hải, TS. Vũ Huy Phú.

ĐỀ NGHỊ: SƠ ĐỒ HỆ THỐNG GDQP TRONG THỜI KỲ CHUYỂN TIẾP (2013 - 2025)



Giải thích: THPTKT: Trung học phổ thông Kỹ thuật; TCN: Trung cấp nghề; CDKT: Cao đẳng Kỹ thuật; DHKT: Đại học kỹ thuật; GDTCX: Giáo dục thường xuyên.

Người thiết kế: PGS.TS. Đặng Danh Ánh

Về sự góp ý của các đồng chí trong đề án: PGS. TS. Chu Hào, PGS. TSKH. Nguyễn Xuân Hán, PGS. TSKH. Nguyễn Kế Hào, NSƯT, Hàn Liên Hải, TS. Vũ Huy Phú